

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2020

V/v: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và ông Đặng Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13/3/2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1837/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị N, sinh ngày 10/3/1990; Địa chỉ cư trú: Tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Mai Khánh K, sinh ngày 02/6/1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ nơi ở hiện nay: Japan - Kanagawa ker -yoko kasha - Nagasaka 3-9-35- shiyou ei man shong B-5. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/02/2019 được bổ sung tại bản tự khai ngày 01/4/2019 và ý kiến trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trương Thị N trình bày:

Về quan hôn nhân: Chị N và anh Mai Khánh K tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm. Từ năm 2016, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không còn tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân. Do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng rất ít liên lạc với nhau trong thời gian anh K ở Nhật Bản. Nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Khánh K.

Về con chung: Chị Trương Thị N trình bày vợ chồng có 01 con chung, cháu Mai Quốc K1, sinh ngày 16/8/2012. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con thì tùy anh K quyết định.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị N trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi thụ lý vụ án, căn cứ vào địa chỉ của bị đơn anh Mai Khánh K tại Nhật Bản do nguyên đơn chị Trương Thị N cung cấp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã chuyển đến Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản các tài liệu liên quan đến việc ly hôn kèm theo Công văn số 481/CV-TAND ngày 19/4/2019 và Công văn số 1376/CV-TAND ngày 20/8/2019 để tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh Mai Khánh K nhưng không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh K. Tòa án đã đăng tin thông báo về việc giải quyết vụ án ly hôn trên trang web của Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) từ ngày 26/11/2019 đến ngày 28/11/2019, đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án tỉnh Quảng Bình từ ngày 27/11/2019 và thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi ở, địa phương nơi cư trú của anh K theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án trực tiếp làm việc với bà Phan Thị H là mẹ đẻ của bị đơn anh Mai Khánh K, tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 27/6/2019, bà H cho biết anh Mai Khánh K và chị Trương Thị N kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2012 tại xã M, huyện M, sau khi kết hôn vợ chồng anh K chị N sống với gia đình bà tại tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình được một thời gian thì ra ở riêng. Năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, năm 2017 anh K đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, chị N ở nhà buôn bán cho đến nay. Anh K báo cho gia đình biết việc chị N nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không cho biết có đồng ý ly hôn hay không. Vợ chồng anh Mai Khánh K và chị Trương Thị N có một con chung là Mai Quốc K1, sinh năm 2012, hiện cháu đang sống với chị N. Về tài sản chung: Trước đây vợ chồng anh K chị N có đất và nhà hai tầng gắn liền với đất nhưng đã bán để trả nợ. Hiện tại vợ chồng có những tài sản gì và nợ gì thì bà không rõ.

- Tại đơn trình bày nguyện vọng, cháu Mai Quốc K1 trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án. Về nội dung: đề nghị Tòa án xử cho chị Trương Thị N được ly hôn anh Mai Khánh ; giao cháu Mai Quốc K1 cho mẹ là chị Trương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Mai Khánh K cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của

pháp luật. Về tài sản chung do chị N không có yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trương Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Mai Khánh K, có hộ khẩu thường trú tại tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, hiện đang lao động hợp tác tại Nhật Bản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật như: Chuyển đến Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản các tài liệu kèm theo Công văn số 481/CV-TAND ngày 19/4/2019 và Công văn số 1376/CV-TAND ngày 20/8/2019 để tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh Mai Khánh K; đăng tin thông báo về việc giải quyết vụ án ly hôn trên trang web của Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt nam (VOV5); đăng trên Cổng thông tin điện tử Tòa án tỉnh Quảng Bình; thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng tại nơi anh K đăng ký hộ khẩu và cư trú trước khi xuất cảnh và đề nghị gia đình anh K thông báo cho anh K biết về việc chị N xin ly hôn để anh K tham gia các phiên họp hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh K. Bà Phan Thị H, mẹ đẻ của anh Mai Khánh K cho biết anh K có gọi điện thoại về và báo cho gia đình biết là anh K đã biết việc chị Trương Thị N nộp đơn ly hôn nhưng anh K không có ý kiến gì. Tại phiên tòa anh K không có mặt và không có đơn đề nghị xử vắng mặt. Ngày 13/12/2019, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa lần thứ hai anh Mai Khánh K tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Mai Khánh K tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị N trình bày thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 và đã sống ly thân, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau. Từ ngày anh K đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh K biết việc chị N xin ly hôn nhưng không có ý kiến gì. Xét thấy tình cảm vợ chồng của chị Trương Thị N và anh Mai Khánh K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trương Thị N được ly hôn anh Mai Khánh K.

[4]. Về quan hệ con chung: Chị N và anh K có 01 đứa con chung là cháu Mai Quốc K1, sinh ngày 16/8/2012. Từ khi cháu được sinh ra đến nay thì chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện tại chị N có nguyện vọng tha thiết xin được nuôi con; cháu Mai Quốc K1 cũng mong muốn được ở với mẹ. Xét thấy nguyện vọng của chị N và cháu K là chính đáng, việc giao con cho chị N trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế hiện tại, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù chị N không yêu cầu anh K phải có trách nhiệm đóng góp số tiền cụ thể là bao nhiêu (do anh K tự nguyện). Tuy nhiên, xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của bố, mẹ đối với con cái, đồng thời là quyền lợi của con được hưởng sự chăm sóc của bố, mẹ, nên cần buộc anh K phải có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con là phù hợp. Về mức đóng góp, do hiện tại không xác định được mức thu nhập hàng tháng của anh K, nên tạm buộc anh K có trách nhiệm đóng góp 2.000.000 đồng/tháng, thời gian đóng góp bắt đầu từ tháng 01/2020 trở đi cho đến khi cháu K1 trưởng thành 18 tuổi.

[5]. Về quan hệ tài sản: Chị Trương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sau này nếu chị N, anh K có tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác để yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Trương Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; anh Mai Khánh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị N và anh Mai Khánh K có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. *Về hôn nhân*: xử cho chị Trương Thị N được ly hôn anh Mai Khánh K.

2. *Về con chung*: xử giao cháu Mai Quốc K1 - sinh ngày 16/8/2012 cho chị Trương Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc anh Mai Khánh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2020 trở đi cho đến khi cháu K1 tròn 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Chị Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0005156 ngày 05/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Anh Mai Khánh K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Mai Khánh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án (13/01/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ